

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 319.2 VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 319.2 KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 319.2 - TỔNG CÔNG TY 319



Vươn tới tầm cao

CÔNG TY TNHH MTV 319.2

Địa chỉ: Số 145/154 đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3933 6202

Fax: (84.4) 3933 6200



Biến cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1888

Fax: (84-4) 3818 1688

Tháng 04 năm 2017

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	4
1. Tổ chức phát hành	4
2. Cổ phần chào bán đấu giá.....	4
3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần	5
4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc.....	6
5. Tổ chức tư vấn:.....	6
II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH.....	7
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .	9
V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	10
1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa	10
2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức.....	11
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	15
4. Tình hình lao động, thu nhập (tiền lương).....	17
5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0h, ngày 01/07/2016)	18
6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	20
7. Danh sách Công ty mẹ và công ty con	20
8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm trước cổ phần hóa	21
VI. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ	32
1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh	32
2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần	35
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau khi thực hiện cổ phần hoá	38
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần	41
VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	41
1. Phương thức bán.....	41
2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	42
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ.....	42
IX. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.....	42

X. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	43
1. Rủi ro về nền kinh tế.....	43
2. Rủi ro về luật pháp.....	44
3. Rủi ro đặc thù	45
3.1. Rủi ro về thị trường:	45
4. Rủi ro của đợt chào bán	45
5. Các rủi ro khác.....	46
XI. KẾT LUẬN	47

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**1. Tổ chức phát hành**

- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV 319.2
- Địa chỉ : Số 145/154 đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội
- Điện thoại : 04.3933 6202
- Fax : 04.3933 6200
- Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa : 49.500.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần : 4.950.000 cổ phần

Trong đó

- + Cổ phần nhà nước : 2.524.500 cổ phần, chiếm 51,00% vốn điều lệ
- + Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động (theo số năm công tác) : 116.200 cổ phần, chiếm 2,35% vốn điều lệ
- + Nhà đầu tư chiến lược : 2.012.300 cổ phần, chiếm 40,65% vốn điều lệ
- + Các nhà đầu tư qua đấu giá : 297.000 cổ phần, chiếm 6,00% vốn điều lệ

2. Cổ phần chào bán đầu giá

- Số lượng cổ phần chào bán đầu giá : 297.000 cổ phần, chiếm 6,00% vốn điều lệ
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- Hình thức chào bán : Bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước cổ phần hoá theo phương thức đấu giá công khai.
- Giá khởi điểm : 10.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ đặt cọc : Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu : 100 cổ phần (Áp dụng cho cả Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài)
- Số lượng cổ phần mỗi nhà : 297.000 cổ phần (Áp dụng cho cả Nhà đầu tư

đầu tư được đăng ký mua tối đa trong nước và nước ngoài)

3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần

3.1. Thời gian, địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá:

Theo “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV 319.2” do Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) ban hành (gọi tắt là Quy chế đấu giá).

3.2. Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu và nộp đúng thời hạn theo quy định.
- Nộp đủ tiền đặt cọc là 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký tính theo giá khởi điểm trong thời hạn đăng ký như quy định.
- Đảm bảo đủ điều kiện tham gia đầu tư, đấu giá mua cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Có các giấy tờ liên quan khác:
 - + Đối với cá nhân trong nước:
 - Xuất trình CMND, giấy tờ tùy thân hợp lệ để tiến hành đối chiếu.
 - Khai địa chỉ cụ thể, chính xác và rõ ràng.
 - + Đối với tổ chức trong nước:
 - Nếu người Đại diện theo pháp luật không đăng ký trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ do người Đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền cho người đăng ký tham dự. Người được ủy quyền phải mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khi đăng ký tham dự đấu giá.
 - Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đó (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập...)
 - + Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài:
 - Bản sao Hộ chiếu/CMND (trường hợp ủy quyền đấu giá cho người Việt Nam).

- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có).
- Xuất trình giấy mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Đối với tổ chức: Ngoài các hồ sơ trên, cần có thêm Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập...), Công văn ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tổ chức đó tham dự đấu giá (trong trường hợp đây không phải là người đại diện pháp lý của tổ chức đó).

4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

4.1. Thời gian tổ chức buổi đấu giá:

Dự kiến tháng 04/2017.

4.2. Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84- 4) 3818 1888

Fax: (84-4) 3818 1688.

4.3. Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy định tại Quy chế đấu giá.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần: Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định vào tài khoản của các đại lý đấu giá nơi mà nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá.
- Thời gian, địa điểm hoàn trả tiền đặt cọc: Theo quy định tại Quy chế đấu giá.

5. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 – Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: 04. 3818 1888 Fax: 04. 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 0511. 3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Số điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 56/2013/TT-BQP ngày 02/5/2013 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong Quân đội thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 114/2015/TT-BQP ngày 28/09/2015 của Bộ quốc phòng hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trong Quân đội;
- Thông tư 154/2016/TT-BQP ngày 12/10/2016 Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu trong Bộ quốc phòng;
- Công văn số 25/TTg-ĐMDN ngày 30/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 2138/QĐ-BQP ngày 06/06/2015 của Bộ Quốc phòng về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty 319 đến năm 2015;
- Quyết định số 5048/QĐ-BQP của Bộ Quốc Phòng ngày 25/11/2015 về thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 319.2 thuộc Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng;

- Quyết định số 5049/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng ngày 25/11/2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 319.2 thuộc Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 2130/QĐ-BCĐ của Ban chỉ đạo CPH ngày 11/12/2015 về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa;
- Căn cứ Quyết định số 4355/QĐ-BPQ ngày 17/10/2016 của Bộ Quốc Phòng về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV 319.2 thuộc Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng để cổ phần hóa.
- Quyết định số 595/QĐ-BQP ngày 06/03/2017 của Bộ Quốc Phòng về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 319.2 thuộc Tổng công ty 319 thành công ty cổ phần.
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan khác.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá:

BỘ QUỐC PHÒNG

Thiếu tướng Võ Hồng Thắng Chức vụ: Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hoá và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thông qua.

2. Doanh nghiệp cổ phần hoá:

CÔNG TY TNHH MTV 319.2

Thượng tá Phan Phú Chức vụ: Giám đốc

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV 319.2 trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, minh bạch, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về cổ phần hóa đối với các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này.

3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)**Ông Vũ Đức Tiến**

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV 319.2. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV 319.2 cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- TCT	Tổng Công ty 319
- Công ty 319.2	Công ty TNHH MTV 319.2
- HĐQT	Hội đồng thành viên
- TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- SXKD	Sản xuất kinh doanh
- CPH	Cổ phần hóa
- MTV	Một thành viên
- Doanh nghiệp cổ phần hóa	Công ty TNHH MTV 319.2
- Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa****1.1. Thông tin khái quát**

- Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH MTV 319.2**
- Tên nước ngoài: **319.2 One Member Company Limited**
- Địa chỉ: **Số 145/154, đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam**
- Điện thoại: **04. 3933 6202**
- Fax: **04. 3933 6200**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: **Số 0105870441, đăng ký lần đầu ngày 25/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp**
- Vốn điều lệ hiện tại: **20.000.000.000 đồng**
- Sản phẩm dịch vụ chủ yếu: **Xây dựng nhà các loại.
Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.**

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV 319.2 tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng Công trình giao thông 319.2 được thành lập ngày 02/11/2010 theo Quyết định số 4257/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng. Từ khi thành lập đến nay, đơn vị được giao nhiệm vụ chuyên sâu về lĩnh vực thi công xây dựng các công trình nhà các loại, đường sắt, đường bộ, công trình công ích, BOT, dò mìn,...

Xí nghiệp Xây dựng công trình giao thông 319.2 đổi tên thành Công ty TNHH MTV 319.2 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105870441 đăng ký lần đầu ngày 25/04/2012.

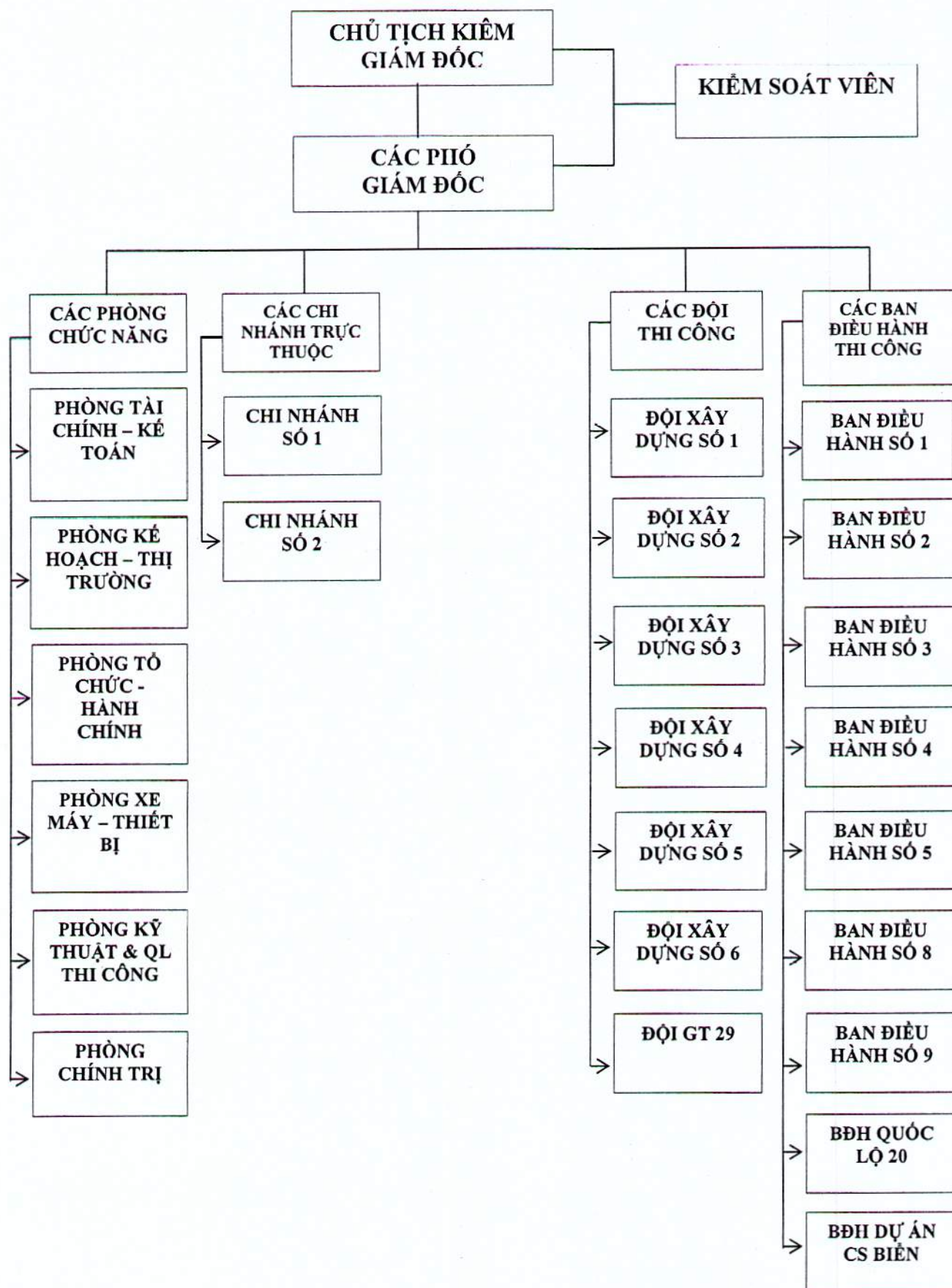
Đơn vị có trụ sở chính tại số 145/154, đường Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105870441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/04/2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Xây dựng nhà các loại;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
 - Sản xuất các cấu kiện kim loại;
 - Thoát nước và xử lý nước thải;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
 - Phá dỡ;
 - Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
 - Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
 - Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; 110KV; 500KV;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



✚ Phòng Tài chính Kế toán

- Xây dựng kế hoạch tài chính, tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển phù hợp với chiến lược phát triển của công ty trong từng thời kỳ.
- Tổ chức hạch toán kinh tế trong sản xuất kinh doanh hàng năm. Hướng dẫn chỉ đạo công tác kế toán tài chính thống kê trong toàn công ty.
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế trong công ty, tính toán và tham gia duyệt các phương án kinh doanh nhằm đạt mục đích chi phí ít, hiệu quả cao.
- Tổ chức kiểm tra, xét duyệt và tổng hợp các báo cáo kế toán thống kê tài chính, bảng quyết toán các đơn vị trong toàn công ty.
- Tổ chức phổ biến và hướng dẫn thi hành kịp thời các chế độ, chính sách về tài chính, kế toán của Nhà nước, Bộ Quốc phòng, các quy định của Bộ Xây dựng về công tác kế toán thống kê tài chính. Hướng dẫn việc bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán trong công ty.
- Tăng cường kiểm tra các công trường về tình hình sử dụng, bảo quản vật tư. Kết hợp với phòng Kế hoạch – Thị trường kiểm tra phân tích hao phí vật tư từng tháng, so sánh đối chiếu với báo cáo của đơn vị thi công.

✚ Phòng Kế hoạch – Thị trường

- Tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn trong toàn bộ Công ty. Giúp Giám đốc chỉ đạo, điều hành, giám sát các đơn vị thi công trong công tác Kế hoạch - Thị trường. Xây dựng bổ sung và hoàn thiện hồ sơ năng lực của Công ty. Tham mưu công tác tìm kiếm việc làm; Lập hồ sơ đấu thầu, chỉ định thầu các công trình. Trực tiếp, phối hợp với các đơn vị thi công lập và trình duyệt các hồ sơ: Thanh toán, phát sinh, hoàn công, quyết toán công trình. Phối hợp với các phòng ban chức năng và các đơn vị thi công thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu Công ty.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng hợp hàng tháng, quý, năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn trên cơ sở định hướng phát triển Công ty. Tổng hợp kế hoạch các lĩnh vực do các phòng chuyên môn và các đơn vị lập để xây dựng kế hoạch chung trong toàn Công ty (kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch vật tư - vật liệu, kế hoạch cân đối và sử dụng nhân lực v.v...).
- Đấu thầu, chỉ định thầu: Phòng sẽ thực hiện các bước cần thiết để có thể tham gia dự thầu. Việc đấu thầu rất quan trọng nó phải đảm bảo thỏa mãn tất cả các yêu cầu của Chủ đầu tư mô tả trong hồ sơ dự thầu.

✚ Phòng Chính trị

- Thực hiện tốt hoạt động tham mưu trong công tác Đảng, công tác Chính trị. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, chỉ thị của cấp trên, thực hiện nghiêm chỉnh chính sách pháp luật của Nhà nước, kỷ luật Quân đội và các quy định

của công ty.

✚ Phòng Xe máy – Thiết bị

- Thực hiện chức năng quản lý toàn diện trang thiết bị thi công, xe máy của công ty. Đối với các công trường đảm bảo không để xảy ra hiện tượng mất mát, hư hỏng do thiếu ý thức trách nhiệm và mất an toàn về người, trang thiết bị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và tham gia giao thông. Đề xuất bố trí, điều động các phương tiện xe máy và luân chuyển thiết bị thi công cho các công trường một cách hợp lý, hiệu quả và bảo đảm an toàn tuyệt đối.
- Kết hợp chặt chẽ với các công trường đưa ra các biện pháp, phương hướng sửa chữa các xe, máy thiết bị hư hỏng đảm bảo tiết kiệm với thời gian nhanh nhất, kịp thời đưa máy vào thi công.
- Tích cực chủ động tham mưu cho cấp ủy, Ban Giám đốc Công ty về công tác đầu tư xe máy, trang thiết bị thi công sát tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ.
- Ban hành và hoàn thiện các mẫu biểu báo cáo thực lực phương tiện, danh sách lái xe, lái máy, nhật trình hoạt động của ô tô, thiết bị thi công. Nhật trình theo dõi cấp xăng, dầu mỡ phụ tới các công trường để quản lý một cách có hiệu quả và đạt chất lượng cao.
- Phối hợp với phòng Vật tư – Xe máy Tổng công ty làm thủ tục chuyển đổi Giấy phép lái xe dân sự sang quân sự, làm đăng kiểm và giấy phép lưu hành cho xe ô tô quân sự, thực hiện đầy đủ, đúng thời gian quy định chế độ báo cáo với cấp trên.

✚ Phòng Tổ chức – Hành chính

- Thực hiện tốt công tác Lao động – Tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Đảm bảo thực hiện tốt công tác Hành chính – Văn phòng: Quản lý văn bản đi, đến và xử lý kịp thời, đúng quy trình, quy định. Duy trì nghiêm các chế độ nề nếp làm việc; bảo đảm tốt công tác doanh trại, hậu cần.

✚ Phòng Kỹ thuật và Quản lý thi công

- Quản lý tiến độ thi công công trình có trách nhiệm theo dõi các hoạt động chính của Công trường và hỗ trợ kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình. Xem xét, hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra tiến độ thi công tổng thể và chi tiết các công trình do các đơn vị trực thuộc lập và trình Giám đốc công ty phê duyệt. Quản lý tiến độ thi công các công trình thi công theo tiến độ đã phê duyệt. Lập tiến độ thi công tổng thể, chi tiết cho các công trình do Công ty trực tiếp thi công trình Giám đốc công ty phê duyệt và quản lý tiến độ thi công các công trình đó. Báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu tiến độ thi công, phân tích đánh giá để tham mưu giúp Giám đốc Công ty trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất, nhân lực, thiết bị và phương tiện thi công

khắc phục vụ cho việc đảm bảo các mục tiêu tiến độ thi công đề ra.

- Công tác quản lý chất lượng xây lắp, chất lượng sản phẩm; Thực hiện quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2008: Kiểm soát sản phẩm không phù hợp: khi nghiệm thu hay khi phát hiện không phù hợp, Phòng Kỹ thuật và Quản lý chất lượng sẽ yêu cầu công trường áp dụng thủ tục kiểm soát công trình không phù hợp nhằm giải quyết vấn đề cho đến khi phù hợp. Lập quy trình kiểm tra, quản lý chất lượng và nghiệm thu của công ty đối với các công trình xây dựng theo các quy định về xây dựng cơ bản hiện hành.
- Phối hợp cùng Phòng Kế hoạch Thị trường làm công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công, nghiệm thu công trình bảo hành công trình. Tổ chức kiểm tra công tác thi công tại hiện trường, hướng dẫn đơn vị trực tiếp thi công tiến hành sửa chữa (nếu có), hoàn thiện các hạng mục phục vụ nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công, nghiệm thu công trình. Kiểm tra, kết hợp thực hiện công tác nội nghiệp (nghiệm thu khối lượng, hồ sơ thí nghiệm chất lượng...)

✦ **Các Chi nhánh trực thuộc, Đội xây dựng công trình và Ban điều hành thi công**

- Hiện nay, các đơn vị sản xuất kinh doanh của Công ty gồm có 02 Chi nhánh trực thuộc: Chi nhánh số 1, Chi nhánh số 2. 07 Đội xây dựng công trình: Đội xây dựng công trình số 1, Đội xây dựng công trình số 2, Đội xây dựng công trình số 3, Đội xây dựng công trình số 4, Đội xây dựng công trình số 5, Đội xây dựng công trình số 6, Đội GT 29. 09 Ban điều hành thi công: Ban điều hành số 1, Ban điều hành số 2, Ban điều hành số 3, Ban điều hành số 4, Ban điều hành số 5, Ban điều hành số 8, Ban điều hành số 9, Ban điều hành quốc lộ 20, Ban điều hành Cảnh sát biển.
- Các Chi nhánh trực thuộc, Đội xây dựng công trình và Ban điều hành thi công có nhiệm vụ tổ chức điều hành thi công xây dựng công trình theo đúng thiết kế được Giám đốc phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn về mọi mặt. Trong quá trình tổ chức điều hành thi công có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết đối với các bộ phận thi công nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch đã được phê duyệt. Tổ chức lực lượng, bố trí, sắp xếp các tổ, các hướng, mũi thi công công trình phù hợp với tiến độ của dự án. Chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định của công ty.

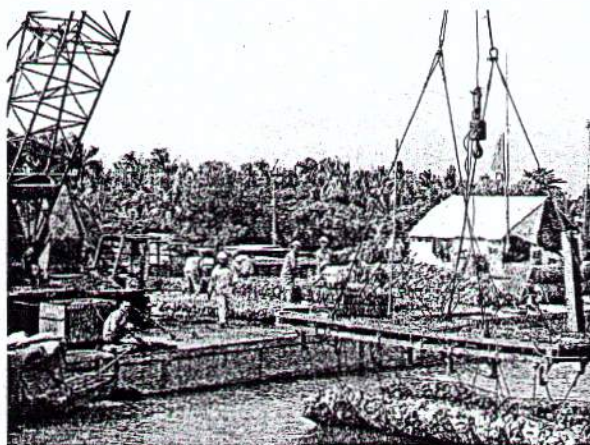
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại thành lập ngày 02/11/2010 theo Quyết định số 4257/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng, Công ty chủ yếu hoạt động trên các mảng kinh doanh chính là: Xây dựng nhà các loại, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng, thực hiện các dự án BOT, dò mìn,..... Chi tiết như sau:

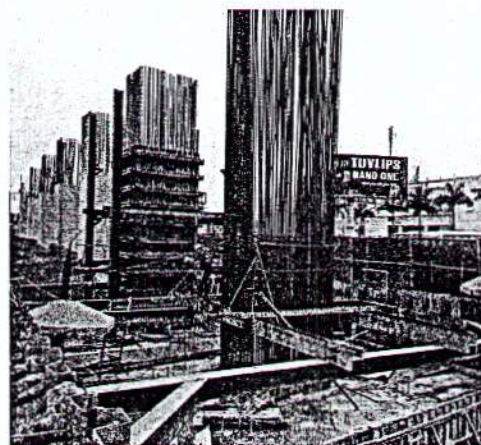
Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng:

Đây là hoạt động mang lại doanh thu chính cho Công ty trong những năm qua và Công ty định hướng đây là mảng hoạt động chủ yếu của Công ty trong những năm tới. Một số dự

án tiêu biểu của Công ty:



Thi công rải rọ đá trên tuyến Kênh Chợ Gạo

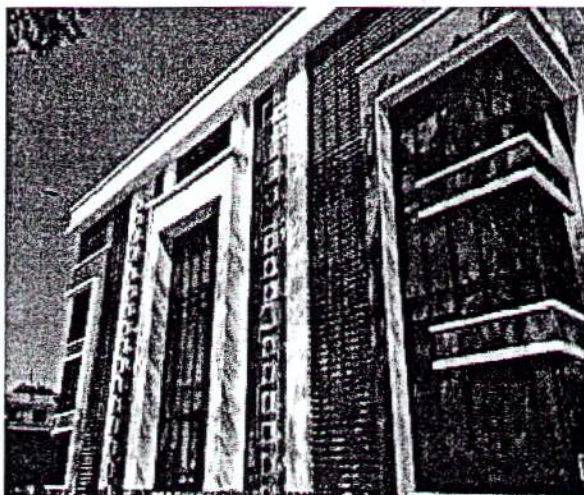


Dự án đường sắt đô thị tuyến Cát
Linh Hà Đông

Xây dựng các công trình nhà các loại:

Hoạt động xây lắp và xây dựng các công trình dân dụng là hoạt động mang lại doanh thu cho Công ty. Công ty thi công đa dạng các công trình như trụ sở làm việc, nhà để xe ... phục vụ công tác quốc phòng cũng như dân sinh.

Thị trường phát triển chủ yếu hiện tại của Công ty là khu vực Hà Nội, Tây Bắc, Đông Bắc... trong những năm tới thị trường dự kiến phát triển của Công ty là các tỉnh miền Trung, và miền Nam. Các công trình Công ty đã thi công như Nhà làm việc Lữ đoàn 214/Quân khu 3/Bộ Quốc phòng, Nhà làm việc Trung đoàn 242/Quân khu 3/Bộ Quốc phòng, Xưởng sửa chữa đạn X264/Cục Quân khí/ Tổng cục kỹ thuật/Bộ Quốc phòng ...



Trụ sở Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài

Hoạt động xây dựng các Dự án BOT, BT:

Cùng với hoạt động xây dựng công trình giao thông thủy lợi, thì hoạt động xây dựng các dự án BOT, BT đã được công ty phát triển bắt đầu từ năm 2014, cùng với việc Nhà nước

đẩy mạnh các doanh nghiệp đầu tư các dự án BOT, BT thì Công ty cũng đã triển khai một số dự án, đem lại doanh thu lớn như Dự án BOT cải tạo, nâng cấp QL1 đoạn Phan Thiết – Đồng Nai, Dự án BOT cải tạo, nâng cấp QL1 đoạn Nghi Sơn – Cầu Giát, Dự án BT cải tạo, khôi phục QL20 đoạn Đà Lạt – Lâm Đồng... Trong tương lai Công ty sẽ đẩy mạnh triển khai mảng hoạt động này.

Hoạt động dịch vụ:

Bên cạnh các hoạt động mũi nhọn là xây dựng thì Công ty cũng đã triển khai thêm hoạt động cho thuê máy móc thiết bị phục vụ các công trình giao thông mang lại một phần Doanh thu cho Công ty từ năm 2015, mặc dù Doanh thu không lớn nhưng chứng tỏ Công ty đang cố gắng đa dạng hóa ngành nghề, khai thác hiệu quả tối đa hệ thống máy móc thiết bị. Công ty đã cho thuê máy móc thiết bị như: Cho Tổng công ty thuê máy Công trình BOT đoạn Bình Thuận, cho Xí Nghiệp 9 thuê Trạm Công trình Hà Nội - Bắc Giang ...

Hoạt động dò phá mìn:

Là một đơn vị quốc phòng, hàng năm Công ty có đội Rà phá bom mìn số 7 thực hiện các hoạt động dò phá bom mìn, khắc phục hậu quả sau chiến tranh, đem lại sự an toàn người dân.

4. Tình hình lao động, thu nhập (tiền lương)

4.1. Thu nhập CBCNV

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng quỹ lương (Triệu đồng)	147.039	121.017	48.103
2	Tổng số lao động (người)	152	155	157
3	Tiền lương BQ (Nghìn đồng/người/tháng)	8.048.000	8.037.000	8.159.053

Nguồn: Công ty TNHH MTV 319.2

4.2. Cơ cấu và trình độ lao động

- Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 17/10/2016 là: 161 người
- Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần: 156 người.
- Cơ cấu lao động sau cổ phần hóa

Tiêu chí	30/6/2016 (Thời điểm XDGTĐN)		17/10/2016 (Thời điểm công bố GTĐN)	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)

Tiêu chí	30/6/2016 (Thời điểm XDGTĐN)		17/10/2016 (Thời điểm công bố GTĐN)	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân loại theo tính chất hợp đồng	166	100	161	100
- Đối tượng không ký hợp đồng lao động (Sỹ quan; Quân nhân chuyên nghiệp)	27	16,27	29	18,01
- Công nhân viên quốc phòng	22	13,25	22	13,67
- Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	62	37,35	57	35,40
- Lao động hợp đồng có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	55	33,13	53	32,92
- Hợp đồng lao động thời vụ dưới 3 tháng	-	-	-	-
II. Phân loại theo trình độ lao động	166	100	161	100
- Trên đại học	-	-	1	0,62
- Đại học	108	65,06	105	65,22
- Cao đẳng	16	9,64	13	8,07
- Trung cấp	16	9,64	16	9,94
- Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	26	15,66	26	16,15
III. Phân loại theo giới tính	166	100	161	100
- Nam	148	89,16	140	86,96
- Nữ	18	10,84	21	13,04

Nguồn: Công ty TNHH MTV 319.2

5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0h, ngày 01/07/2016)

Theo Quyết định số 4355/QĐ-BQP ngày 17/10/2016 của Bộ Quốc phòng, giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV 319.2 tại thời điểm 01/07/2016 như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa : **511.754.121.327 đồng**

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp : **26.723.850.363 đồng**

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 0h, ngày 01 tháng 07 năm 2016, kết quả đánh giá lại như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4 = 3 - 2

Chỉ tiêu	Số liệu số kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG	507.007.595.367	511.754.121.327	4.746.525.960
(I+II+III+IV)			
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	34.360.083.934	34.825.426.777	465.342.843
1. Tài sản cố định	31.981.747.427	32.393.688.695	411.941.268
a. Tài sản cố định hữu hình	31.923.153.679	32.335.094.947	411.941.268
5. Chi phí trả trước dài hạn	2.378.336.507	2.431.738.082	53.401.575
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	472.647.511.433	472.647.511.756	323
1. Tiền	56.048.788.852	56.048.789.175	323
a. Tiền mặt tồn quỹ	6.330.656.677	6.330.657.000	323
b. Tiền gửi ngân hàng	49.718.132.175	49.718.132.175	-
3. Các khoản phải thu	207.217.746.614	207.217.746.614	-
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	209.380.975.967	209.380.975.967	-
5. TSLĐ khác	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	4.281.182.794	4.281.182.794
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHỤC LỢI	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	507.007.595.367	511.754.121.327	4.746.525.960
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	507.007.595.367	511.754.121.327	4.746.525.960
E1. Nợ thực tế phải trả	485.030.270.964	485.030.270.964	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A - (E1+E2))	21.977.324.403	26.723.850.363	4.746.525.960

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN Công ty TNHH MTV 319.2

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

6.1. Tình hình về đất đai, nhà cửa và vật kiến trúc đang sử dụng

Hiện tại khu đất và tài sản trên đất dùng làm trụ sở của Công ty tại địa chỉ số 145/154, đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội là tài sản của Tổng công ty 319. Tổng Công ty 319 cho Công ty TNHH MTV 319.2 thuê làm trụ sở Công ty, do đó đây không phải là tài sản của Công ty. Hàng năm Công ty TNHH MTV 319.2 trả tiền thuê trụ sở cho Tổng Công ty 319.

6.2. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 01/07/2016

STT	Tên tài sản	Theo giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4
	TSCĐ đang dùng	50.406.482.256	32.377.012.020
I	Tài sản cố định hữu hình	50.343.982.256	32.318.418.272
1	Máy móc thiết bị	40.041.436.803	25.457.448.832
2	Phương tiện vận tải	10.225.545.453	6.844.229.440
3	Tài sản cố định khác	77.000.000	16.740.000
II	Tài sản cố định vô hình	62.500.000	58.593.748
1	Phần mềm máy tính	62.500.000	58.593.748
	Cộng	50.406.482.256	32.377.012.020

Nguồn: Biên bản XDGTĐN tại thời điểm 01/07/2016 của Công ty TNHH MTV 319.2

7. Danh sách Công ty mẹ và công ty con

7.1. Công ty mẹ

Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng

Địa chỉ: Số 63 Lê Văn Lương – Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại: 04 38319391 – 04 38274209 Fax: 04 38731458

Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty: 100% vốn điều lệ

7.2. Công ty con

Không có

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm trước cổ phần hóa

8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Sản lượng dịch vụ sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	9.041	0,81	11.148	1,45	234.870	21,55
Giao thông, Thủy lợi	394.703	35,47	625.952	81,23	416.054	38,17
DA BOT	694.139	62,37	97.867	12,70	432.576	39,69
Khác (dịch vụ)		-	25.687	3,33	1.201	0,11
Dò mìn	14.676	1,32	9.964	1,29	5.232	0,48
Tổng cộng	1.112.919	100	770.618	100	1.089.933	100

Nguồn: Công ty TNHH MTV 319.2

Doanh thu sản phẩm và dịch vụ qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	7.645	0,79	12.797	1,68	221.221	19,76
Giao thông, Thủy lợi	321.762	33,28	551.438	72,26	518.325	46,30

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
DA BOT	637.387	65,93	173.203	22,70	378.798	33,83
Khác (dịch vụ)	-	-	25.687	3,37	1.201	0,11
Dò mìn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	966.794	100	763.125	100	1.119.545	100

Nguồn: Công ty TNHH MTV 319.2

Lợi nhuận gộp sản phẩm dịch vụ qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	(6.938)	(10,95)	(36.504)	(85,58)	19.244	41,06
Giao thông, Thủy lợi	26.335	41,55	59.570	139,66	12.698	27,09
DA BOT	43.988	69,40	8.402	19,70	14.931	31,85
Khác (dịch vụ)	-	-	11.185	26,22	-	-
Dò mìn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	63.385	100	42.653	100	46.873	100

Nguồn: Công ty TNHH MTV 319.2

Nhân xét:

Từ năm 2014 đến 2016 doanh thu các mảng của Công ty có sự chuyển biến về tỷ trọng rõ rệt cũng như giá trị. Năm 2014 doanh thu đến từ 2 mảng chính là dự án BOT và xây dựng công trình giao thông thủy lợi với tỷ trọng lần lượt là 65,93% và 33,28%. Năm 2014 với sự đầu tư mạnh vào các dự án BOT, BT nên doanh thu mảng này tăng lên rõ rệt. Năm 2015 tổng doanh thu của Công ty vẫn duy trì ở mức cao dù có sụt giảm so với năm 2014, cơ cấu doanh thu vẫn tập trung vào 2 mảng thế mạnh của Công ty là xây dựng giao thông thủy lợi và các dự án BOT, BT. Năm 2016, tổng doanh thu của Công ty tăng lên 1,120 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2015. Hoạt động dò phá bom mìn dù có sản lượng nhưng lại không mang lại doanh thu cho Công ty, doanh thu này được tính vào doanh thu trên báo cáo của Tổng công ty 319 do Công ty 319.2 không có chức năng dò phá bom mìn trong Đăng ký kinh doanh.

8.1.1. Nguyên vật liệu cho sản xuất

Do thi công xây dựng các công trình là lĩnh vực chủ đạo trong cơ cấu doanh thu, do vậy

nguyên vật liệu được sử dụng là những loại nguyên vật liệu đặc thù phục vụ cho hoạt động xây lắp (thép, cát, đá, gạch, xi măng....). Một số thương hiệu, chủng loại vật liệu công ty thường sử dụng:

- Thép: Thép Hòa Phát, Việt Nhật...
- Xi măng: Hà Tiên, Hoàng Thạch, Hải Phòng....
- Gạch: Gạch xây tuynel hoặc block (theo từng địa phương); gạch ốp lát Granit: Viglacelra, Prime, Đồng Tâm...

Đặc thù các công trình xây dựng, xây lắp của Công ty là phân tán trên nhiều địa phương trong cả nước, do vậy, các nhà cung cấp vật liệu cho công ty cũng có sự phân tán đặc thù tại nhiều địa phương. Tùy từng công trình, thời điểm cụ thể, công ty sẽ tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp nhất theo nhu cầu.

8.1.2. Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty luôn áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong các lĩnh vực quản lý, xây dựng các công trình dân dụng và giao thông thủy lợi nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chủ đầu tư.

Các quy trình trong thi công công trình của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định, tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng công trình. Để kiểm soát tiến độ, chất lượng, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong đó có các quy trình cụ thể để kiểm soát tiến độ, chất lượng thi công công trình.

8.1.3. Logo, nhãn hiệu thương mại

Logo hiện tại của Công ty TNHH MTV 319.2 sử dụng cùng với logo của Tổng công ty 319. Logo của Tổng công ty được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả số 1212/2010/QTG ngày 11/05/2010.



Vươn tới tầm cao

Dự kiến sau cổ phần hóa, công ty sẽ tiếp tục sử dụng logo của Tổng Công ty.

8.1.4. Trình độ công nghệ:

Trong hoạt động xây dựng, các máy móc, thiết bị công nghệ thi công hiện đại luôn là yếu tố chủ yếu quyết định trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình. Do vậy, Công ty luôn chú trọng sử dụng các máy móc hiện đại của các nước Nhật, Ấn Độ, Đức, Thụy Điển, Hàn Quốc ... trong sản xuất. Danh mục một số máy móc thiết bị chính của Công ty như sau:

STT	LOẠI THIẾT BỊ	NƯỚC SX	NĂM SX	SỐ LƯỢNG
I	Máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn			
1	Xúc lật Komatsu WA400-3A	Nhật Bản	1994	01
2	Lu AMMANN ASC100	Czech	2010	02
3	Lu Dynapac CA250D	Thụy Điển	2010	01
4	Lu Dynapac CA280D	Thụy Điển	2010	02
5	Lu Dynapac CA250D	Ấn Độ	2013	02
6	Xe lu rung Hamm 3410	Đức	2014	02
7	Xe lu tĩnh bánh thép Sakai KD120	Nhật	1986	01
8	Máy rải DEMAG DF130C	Đức	1995	01
9	Máy rải Vogeles S1600-1	Đức	2008	01
10	Máy toàn đạc Sokkia SET630R	Nhật	2014	01
11	Trạm trộn BT nhựa nóng ASPHALT	Việt Nam		01
12	Trạm trộn bê tông nhựa nóng TSAP-1500FFW	Hàn Quốc	2013	01
13	Máy dò kim loại Vallon VMH3CS	Đức	2014	01
II	Phương tiện vận tải			
1	Xe ô tô Lexus GX470	Nhật Bản	2014	01
2	Xe ÔTô Toyota Fortuner	Việt Nam	2016	01
3	Xe ÔTô Toyota Fortuner	Việt Nam	2010	01
4	Xe ÔTô Toyota Fortuner	Việt Nam	2014	01
5	Xe ÔTô Toyota Hilux	Thái Lan	2011	01
6	Xe ô tô Toyota Hilux	Thái Lan	2013	01
7	Xe ô tô Toyota Hilux	Thái Lan	2013	01
8	Xe ô tô tải MAZ	Việt Nam	2012	01

STT	LOẠI THIẾT BỊ	NƯỚC SX	NĂM SX	SỐ LƯỢNG
9	Xe ô tô tải MAZ	Việt Nam	2012	01
10	Xe ô tô tải MAZ	Việt Nam	2012	01

Nguồn: Công ty TNHH MTV 319.2

8.1.5. Hoạt động Marketing

Các hình thức quảng cáo về hình ảnh, thương hiệu của Công ty:

- Xây dựng website để đăng tin bài nhằm giới thiệu về công ty
- In ấn, phát hành hồ sơ năng lực để giới thiệu với các đối tác, khách hàng về hình ảnh Công ty.
- Tham gia quảng bá hình ảnh tại một số ấn phẩm báo chí trong và ngoài lực lượng quân đội.

8.1.6. Các Hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện:

TT	Tên Hợp đồng	Tổng giá trị (triệu đồng)	Năm khởi công	Chủ đầu tư
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai đoạn Km244+155 – Km262+353	211.986	2010	Ban QLDA xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai
2	Gói thầu 32: Sân, đường giao thông và thoát nước khu Doanh trại. Dự án hạ tầng trung đoàn KQHQ tại Cam Ranh	160.297	2014	Bộ tư lệnh Hải quân
3	Gói thầu CG-XLGĐ1: Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng và đảm bảo giao thông đường thủy – Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến kênh chợ Gạo	318.393	2013	Ban quản lý các dự án Đường thủy nội địa phía Nam
4	Gói thầu 8: Nạo vét, San nền, Cống chính, Cống phụ, Kè chắn đá học, Tường rào xây trên kè; Tường rào xây có móng; Sân đường, Cây xanh; Hệ	90.898	2015	Bộ tư lệnh cảnh sát biên

TT	Tên Hợp đồng	Tổng giá trị (triệu đồng)	Năm khởi công	Chủ đầu tư
	thống cấp thoát nước ngoài nhà; Hệ thống phòng cháy chữa cháy+ bể nước chữa cháy; Bể nước sinh hoạt; Cung cấp, lắp đặt máy bơm – Dự án Đầu tư xây dựng căn cứ bộ tư lệnh vùng cảnh sát biển 4			
5	Gói thầu xl-02: thi công xây dựng phần đường đoạn từ km56+740 - km59+456 - Dự án xây dựng đường cao tốc đoạn Cẩm Hải – Vân Đồn	170.923	2016	Ban quản lý các dự án công trình Giao thông

Nguồn: Công ty TNHH MTV 319.2

8.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp trước cổ phần hóa

8.2.1. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh năm 2014 - 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	903.408	94,21	720.472	95,19	1.072.671	96,08
2	Chi phí tài chính	11.402	1,19	12.029	1,59	7.150	0,64
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.063	4,49	24.233	3,20	36.199	3,24
5	Chi phí khác	1.035	0,11	159	0,02	425	0,04
Tổng cộng		958.908	100	756.893	100	1.116.445	100

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 2016 và của Công ty

Nhận xét:

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trên 92% do Công ty chủ yếu tập trung vào thi công các công trình xây dựng nên tỷ lệ tăng trưởng chi phí giá vốn tương đương với tỷ lệ tăng trưởng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đặc thù ngành xây dựng nên giá vốn của công ty chủ yếu là chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao máy móc thiết bị... Tỷ lệ chi phí giá vốn năm 2014 và 2015 chiếm tỷ trọng khá cao (trên 94%), Công ty nên kiểm soát tốt tỷ lệ chi phí giá vốn. Năm 2016 chi phí giá vốn chiếm 94,97 % trong cơ cấu chi phí

Công ty không có chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng ổn định trong cơ cấu tổng chi phí (chiếm từ 3% - 5% qua các năm từ 2013 đến 2016) do Công ty thực hiện chính sách điều tiết chi phí hợp lý và công tác quản lý doanh nghiệp của Công ty cũng khá tốt qua các giai đoạn.

Chi phí tài chính của Công ty chiếm tỷ trọng trên 1%, năm 2013 chi phí tài chính ở mức khá cao trên 2,6%, do đặc thù phải cung cấp thêm vốn vay để bổ sung vốn lưu động để mua nguyên vật liệu thi công các công trình. Chi phí khác của Công ty chiếm một tỷ trọng nhỏ (dưới 0,1%) trong tổng chi phí của Công ty.

8.2.2. Tình hình công nợ phải thu, phải trả

Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Phải thu ngắn hạn	90.001	227.742	216.123
- Phải thu của khách hàng	45.515	161.145	194.642
- Trả trước cho người bán	12.029	40.851	6.175
- Phải thu nội bộ	13.684	4.438	3.803
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.000	-	-
- Các khoản phải thu khác	17.773	21.307	11.503

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014, 2015, 2016 và của Công ty

Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Nợ ngắn hạn	516.240	548.206	467.153

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
- Vay và nợ ngắn hạn	143.806	77.778	64.956
- Phải trả người bán ngắn hạn	237.918	293.429	328.248
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	111.213	155.424	58.912
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.307	849	72
- Phải trả người lao động	12.644	7.484	12.616
- Phải trả nội bộ	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	6.032	9.576	1.522
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.320	3.666	828
Nợ dài hạn	22.439	27.273	29.011
- Vay và nợ dài hạn	22.175	27.273	29.011
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	264	-	-

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 2016 và của Công ty

8.2.3. Một số chỉ tiêu tài chính 2014 -2016

Một số chỉ tiêu tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng /giảm so với năm 2014 (%)	Năm 2016	Tăng /giảm so với năm 2015 (%)
1	Doanh thu	966.794	763.125	(21)	1.119.545	46,71
2	Vốn kinh doanh	558.960	557.392	-	518.862	(6,91)
3	Vốn nhà nước	17.697	20.000	13	22.698	13,49
4	Lợi nhuận trước thuế	8.465	7.332	(13)	3.488	(52,43)
5	Lợi nhuận sau thuế	6.589	5.683	(14)	2.872	(49,46)
6	Số lao động	152	155	2	157	1,29
7	Thu nhập bình quân người/dồng/tháng	8.048.000	8.037.000	-	8.159.053	1,52

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng /giảm so với năm 2014 (%)	Năm 2016	Tăng /giảm so với năm 2015 (%)
8	Các khoản thu nộp ngân sách	12.807	7.593	(41)	13.859	85,52
	Trong đó:					
	- Thuế giá trị gia tăng	11.943	5.256	(56)	12.831	144,12
	- Thuế thu nhập DN	815	2.297	182	873	(61,99)
	- Thuế thu nhập cá nhân	46	37	(20)	153	313,51
	- Thuế khác	3	3	-	3	-
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn kinh doanh	1,18%	0,95%	(14)	0,55%	(42,11)
10	Nợ phải trả:	538.679	575.479	7	496.165	(13,78)
	Trong đó:					
	+ Nợ ngân sách	1.306	849	(35)	72	(91,52)
	+ Nợ ngân hàng	157.451	85.248	(46)	93.968	10,23
11	Nợ phải thu:	90.001	227.742	153	216.123	(5,10)
	Trong đó nợ khó đòi:	-	-	-	-	-
12	Tỷ suất LNST/Vốn NN (ROE)	37,23	28,42	(24)	12,65	(55,49)
13	Tỷ số thanh toán nhanh	0,40	0,62	55	0,68	9,68
14	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	96,37	96,33	-	95,63	(0,73)
15	Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	2656,04	2626,20	(1)	2185,98	(16,76)
16	Vòng quay phải thu của khách hàng	21,24	4,74	(78)	5,75	21,31

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 2016 và của Công ty

Nhận xét:

Tỷ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty duy trì qua các năm thấp.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty luôn ở mức rất cao. Hệ số này cho thấy Công ty đang lệ thuộc rất nhiều vào nguồn vốn bên ngoài. Công ty đang rất thiếu nguồn vốn kinh doanh, chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức khác và chiếm dụng công nợ của khách hàng. Chỉ tiêu này chứng tỏ cán cân vốn của Công ty đang rất mất cân

đối, khả năng tự chủ về tài chính của Công ty rất thấp, lệ thuộc vào vốn bên ngoài và chịu áp lực lớn trong thanh toán ngắn hạn. Một trong những nguyên nhân này là do quy mô tài sản của Công ty tăng nhanh trong những năm qua trong khi vốn chủ sở hữu của Công ty không tăng nhiều.

Vòng quay các khoản phải thu khách hàng: Đây tiếp tục là một khó khăn trong hệ thống tài chính của Công ty, dòng tiền khách hàng trả vào Công ty tương đối chậm. Năm 2013 Công ty có số vòng quay thu hồi nợ là 3,57 vòng thời gian thu hồi nợ là 102 ngày, năm 2014 do doanh thu chính của Công ty đến từ mảng dự án BOT, BT, dòng tiền từ thu phí của các dự án này là rất tốt nên vòng quay thời gian thu hồi nợ tăng 21,24 vòng tương ứng với thời gian là 17 ngày. Tuy nhiên năm 2015 và 9 tháng năm 2016 vòng quay các khoản phải thu giảm. Đây là thách thức lớn đối với công ty trong việc quản lý tài chính, do Công ty thi công các công trình có thời gian dài, nhiều công trình chậm thanh toán vốn, chậm phê duyệt quyết toán dẫn đến nợ phải thu lớn, làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ suất sinh lời từ tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời từ vốn chủ sở hữu (ROE) các năm duy trì ở mức ổn định.

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa

Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ giúp đỡ của ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng, các cơ quan chức năng giúp đỡ Công ty trong quá trình hoạt động, tạo điều kiện cho Công ty được tham gia các dự án lớn của Bộ quốc phòng và Tổng công ty 319.
- Bộ máy lãnh đạo Công ty ổn định, cán bộ và người lao động nêu cao tinh thần đoàn kết phát huy được truyền thống tốt đẹp, “anh bộ đội cụ Hồ”, lực lượng vũ trang nhân dân.
- Trong việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động được đầy đủ, đặc biệt là việc chuyển chế độ đối với chế độ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nên từ đó người lao động yên tâm công tác.
- Có sự phối hợp chặt chẽ trong công việc giữa các đơn vị trong Công ty
- Xây dựng ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của Cán bộ công nhân viên trong công việc và nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả công việc cao hơn so với các năm trước đây.

Khó khăn

- Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề.
- Sự cắt giảm đầu tư công và sự đóng băng của thị trường xây dựng, một số dự án triều

khai chậm, công tác giải quyết tồn đọng, thu hồi công nợ đối với một số đơn vị, cá nhân còn kéo dài, chưa được triển khai dứt điểm.

- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ và năng lực quản lý còn mỏng, đặc biệt là đội ngũ chỉ huy trường công trường.

8.4. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a) Vị thế của Công ty

Công ty TNHH MTV 319.2 có thế mạnh trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, các công trình quốc phòng, dân dụng, công nghiệp với thiết bị hiện đại được nhập từ các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ... Công ty đã xây dựng nhiều công trình quan trọng cho Bộ Quốc phòng và là đơn vị được Tổng công ty 319 tin tưởng và giao cho nhiều trọng trách trong các dự án lớn của Tổng công ty.

Mặc dù quá trình thành lập và phát triển của Công ty 319.2 còn non trẻ, nhưng với sự nỗ lực của tập thể Cán bộ nhân viên toàn Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã không ngừng phát triển về quy mô và ngành nghề sản xuất. Công ty đã tham gia thực hiện nhiều dự án lớn cho những khách hàng lớn trong nước, trọng điểm tại nhiều địa phương cả 3 miền Bắc, Trung và Nam như: Dự án đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai, Dự án đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nhà để xe sân bay Tân Sơn Nhất, Nhà làm việc kho Khu vực 4/Tổng cục kỹ thuật/Bộ Quốc phòng... Công ty phấn đấu trở thành một thương hiệu lớn, có uy tín và thị phần lớn trong lĩnh vực xây dựng, đặc biệt trong Bộ Quốc phòng, Tổng công ty 319.

b) Triển vọng phát triển ngành xây dựng:

Trải qua giai đoạn bất động sản cũng như xây dựng phát triển nóng từ năm 2007 đến 2010, trong những năm gần đây Ngành đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức với giá nguyên vật liệu tăng cao, lãi suất tăng cao, thị trường bất động sản trầm lắng... đã tác động tiêu cực đến ngành Xây dựng.

Tại thời điểm 01/01/2015, tổng số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực của Ngành (xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, tư vấn xây dựng và kinh doanh bất động sản) ước khoảng 77.750 doanh nghiệp (tăng 1.175 Doanh Nghiệp so với thời điểm 01/01/2014, tăng khoảng 18.266 Doanh Nghiệp so với thời điểm 01/01/2011).

Trong năm 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành Xây dựng tiếp tục chuyển biến tích cực. Chính sách lãi suất ngân hàng điều chỉnh giảm đã giúp cho các doanh nghiệp tiếp cận được vốn vay, giá vật liệu xây dựng ổn định cùng với sự ấm lên của thị trường BĐS tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án, công trình.

Các doanh nghiệp trong Ngành tiếp tục tập trung thực hiện tái cơ cấu, chủ động khắc phục khó khăn, từng bước ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động. Nhiều doanh nghiệp bất động sản tích cực đầu tư phát triển nhà xã hội, xác định đây là giải pháp đúng đắn và phù hợp, vừa mang lại lợi ích cho

doanh nghiệp và người lao động, vừa góp phần tích cực đảm bảo an sinh xã hội; các doanh nghiệp vật liệu xây dựng đã đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Nhiều dự án quy mô lớn đã được khởi công, nhiều dự án đang tạm dừng được khởi động trở lại; nhiều dự án, công trình được hoàn thành cùng với hoạt động xây dựng nhà ở trong dân tăng khá cao đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất của Ngành.

Giá trị sản xuất xây dựng năm 2015 theo giá hiện hành: ước tính đạt khoảng 974,4 nghìn tỷ đồng (tăng 11,4% so với năm 2014); bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 82,1 nghìn tỷ đồng (tăng 7%), chiếm 8,4%; khu vực ngoài Nhà nước 830,5 nghìn tỷ đồng (tăng 12,2%), chiếm 85,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 61,8 nghìn tỷ đồng (tăng 7,1%), chiếm 6,4%. Trong tổng giá trị sản xuất: công trình nhà ở đạt 374,2 nghìn tỷ đồng (tăng 13%); công trình nhà không để ở đạt 156,7 nghìn tỷ đồng (giảm 5,2%); công trình kỹ thuật dân dụng đạt 318,2 nghìn tỷ đồng (tăng 19,8%), hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 125,3 nghìn tỷ đồng (tăng 11,7%).

Do vậy, trong giai đoạn đến năm 2020, ngành Xây dựng có triển vọng phát triển mạnh.

c) *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới*

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu chính là lấy ngành xây dựng làm nòng cốt.

Cùng với việc khẳng định, nâng cao uy tín của Công ty trong các công trình đã thi công, Công ty cũng đã mạnh dạn chuyển hướng sang các công trình đòi hỏi yếu tố kỹ thuật cao như các công trình giao thông trọng điểm của quốc gia, đồng thời cũng tham gia góp vốn thực hiện các dự án BOT, lĩnh vực mới này không chỉ đem đến hiệu quả kinh tế mà hình ảnh cũng như thương hiệu của Công ty 319.2 được nâng cao.

Với mục tiêu lấy ngành xây dựng dân dụng và xây dựng giao thông thủy lợi là lĩnh vực kinh doanh chính, Công ty luôn luôn đẩy mạnh công tác đầu tư thiết bị, công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đã được Công ty bổ sung, thay thế cho những thiết bị thi công lạc hậu, hiệu quả thấp. Với quyết tâm và nỗ lực này đang tạo ra triển vọng phát triển to lớn cho Công ty trong thị trường cạnh tranh khốc liệt.

VI. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 319.2

Tên tiếng Anh : 3192 Investment and Contruction Joint Stock Company

Tên viết tắt : Công ty 319.2

Trụ sở chính : Số 145/154 đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 04.3933 6202

Fax : 04.3933 6200

- Ngành nghề kinh doanh

Sau khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty vẫn tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề kinh doanh như trước cổ phần hóa và mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh khác, cụ thể như sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
5	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
6	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
7	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. - Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy - Thi công và lắp đặt hệ thống xử lý rác thải - Thi công và lắp đặt hệ thống phòng, chống mối - Thi công và lắp đặt hệ thống điện nhẹ, hệ thống thông tin, hệ thống camera giám sát - Thi công và lắp đặt thiết bị ngành y tế	4329
8	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa công trình cầu, đường bộ và kết cấu hạ tầng;	4290

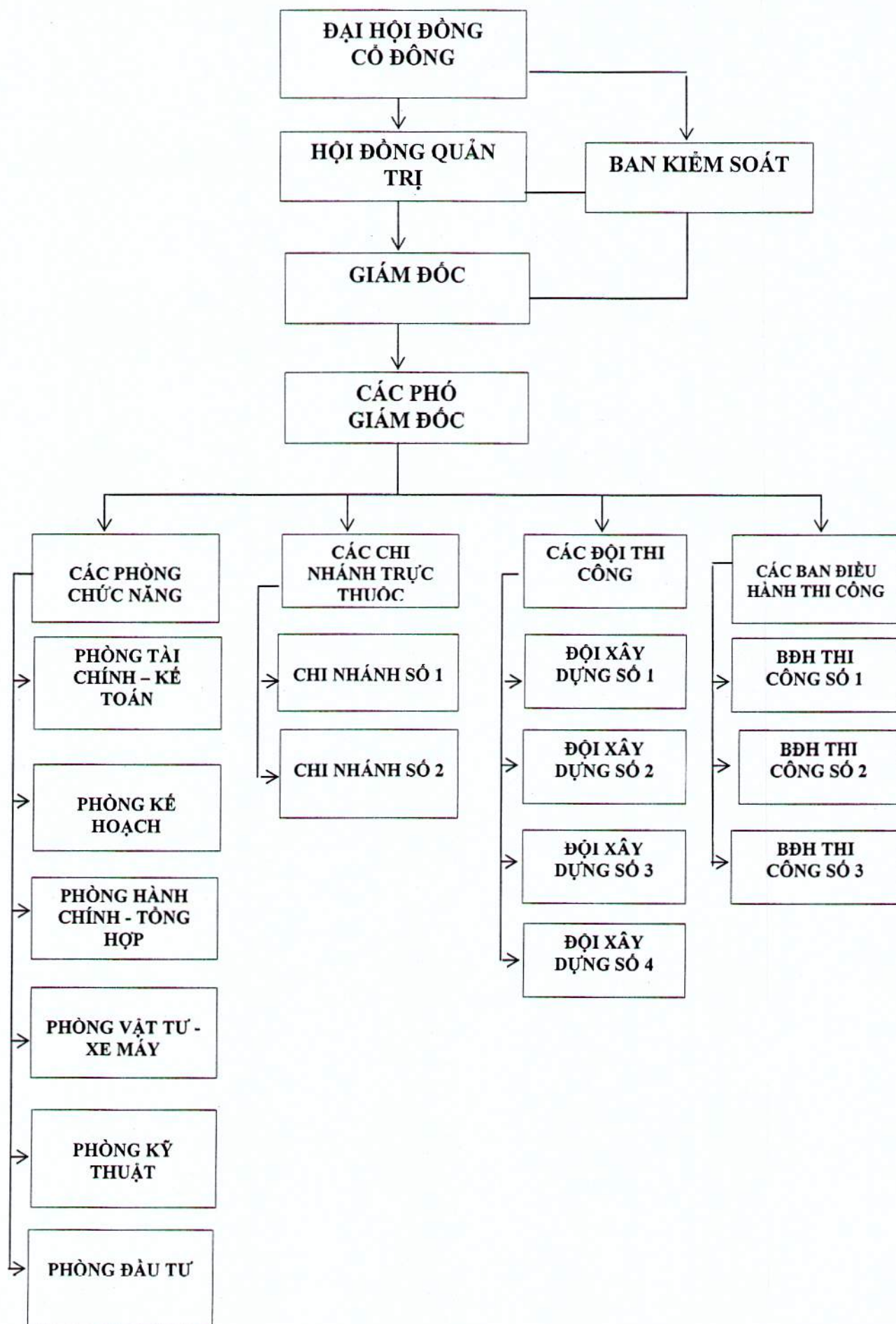
TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Thi công xây lắp, trùng tu, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, văn hóa; Thi công xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây, trạm điện, các công trình ngầm, nhà máy nước	
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng, công nghiệp, cầu và đường bộ, thủy lợi - lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;	7110
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Vận hành, khai thác và chuyển giao công trình, trạm thu phí giao thông;	5229
12	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;	5210
13	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;	3100
14	Phá dỡ	4311
15	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng); ...	4312
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
17	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải đường bộ;	4933
18	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản;	0899
19	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản;	4669

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
20	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;	4659
22	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị, dây truyền công nghệ;	3320
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị, máy móc và phương tiện vận tải phục vụ xây dựng; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
24	Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Và các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm

2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần

Sau khi chuyển sang mô hình hoạt động của Công ty cổ phần, Công ty dự kiến xây dựng lại bộ máy hoạt động để phù hợp với mô hình hoạt động mới, cụ thể như sau:



2.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT theo quy định của Pháp Luật.

2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ, như: Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý, điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính công ty; Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

2.4. Giám đốc và các Phó Giám đốc

Giám đốc: Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc theo luật định, theo Điều lệ của Công ty, v.v... và giải quyết những vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp hoặc ủy quyền cho Giám đốc.

Giám đốc điều hành chung các hoạt động của Công ty và trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực. Giám đốc bằng quyết định của mình phân công cho các Phó Giám đốc.

Quyết định vấn đề lớn hoặc đột xuất mới phát sinh, các sự cố như thiên tai, tai nạn... ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các Phó Giám đốc: Phụ trách một số lĩnh vực cụ thể. Theo yêu cầu điều hành trong từng thời gian, Giám đốc có thể điều chỉnh lại sự phân công công việc giữa các Phó Giám đốc. Khi cần thiết Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ của Giám đốc.

2.5. Các phòng nghiệp vụ

Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm: Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch, Phòng Kỹ thuật, Phòng Vật tư - Xe máy, Phòng Đầu tư; Các chi nhánh trực thuộc, Đội xây dựng công trình và Ban điều hành thi công.

2.6. Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội: Công ty cổ phần có Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau khi thực hiện cổ phần hoá

3.1. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hoá

Công ty dự kiến xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa (giai đoạn 2017 - 2019) với các chỉ tiêu sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	779.450	836.053	915.093
2	Vốn kinh doanh	810.628	869.495	951.697
3	Vốn điều lệ	49.500	49.500	49.500
4	Lợi nhuận trước thuế	15.589	16.721	18.302
5	Lợi nhuận sau thuế	12.159	13.042	14.275
6	Tổng số lao động	185	210	230
7	Thu nhập bình quân người/đồng/tháng	8.352.000	8.791.000	9.100.000
8	Các khoản thu nộp ngân sách	17.148	18.393	20.132
	- Thuế GTGT	13.715	14.712	16.103
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
	- Thuế XNK	-	-	-
	- Thuế TNDN	3.430	3.679	4.026
	- Thuế khác	3	3	3
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn kinh doanh	1,5%	1,5%	1,5%
10	Trích lập các quỹ	6.080	6.521	7.138
	- Quỹ đầu tư phát triển	1.216	1.304	1.428
	- Quỹ khen thưởng	1.824	1.956	2.141
11	Cổ tức được chia (%/VĐL)	11,00%	12,00%	13,00%

3.2. Các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2017-2019 đã đề ra, Công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

3.2.1. Giải pháp về ngành nghề:

- Cùng cố và phát triển vững chắc lĩnh vực xây lắp: Giữ vững địa bàn hoạt động truyền thống đã có, đẩy mạnh phát triển tại các địa bàn hoạt động mới. Đảm bảo an toàn, tiến độ, chất lượng, từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp trong thi công xây lắp công trình.

3.2.2. Giải pháp về tài chính, vốn:

- Cân đối bảo đảm tốt nguồn tài chính cho sản xuất kinh doanh.
- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có.
- Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của vốn.
- Đối với công tác quản lý tài chính nội bộ: Công ty sẽ tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực quản lý tài chính tại trụ sở và các đơn vị trực thuộc; thực hiện cắt giảm, tiết kiệm các chi phí không cần thiết...

3.2.3. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp:

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, kiện toàn, ổn định tổ chức của Công ty theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ đáp ứng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Thành lập các Ban quản lý dự án để trực tiếp điều hành, quản lý trực tiếp tại các công trình thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, hiệu quả.
- Phát huy tính chủ động sáng tạo của cấp đội, Công trường trong điều hành sản xuất, an toàn và hiệu quả.
- Thường xuyên cập nhật, cải tiến quy trình hệ thống quản lý chất lượng
- Công tác tư tưởng: Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng của CBCNV; tích cực tổ chức quán triệt, tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và của Đảng ủy, Ban giám đốc Công ty tới toàn thể CBCNV trong Công ty, đặc biệt trong quá trình công ty triển khai công tác cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng ở giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.

3.2.4. Giải pháp về thị trường:

- Cùng cố vững chắc các địa bàn đang hoạt động. Nắm chắc thông tin và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan tới các công trình mục tiêu trong kế hoạch. Tiếp tục phát triển mở rộng các địa bàn, thị trường mới.
- Công ty tiếp tục triển khai các gói thầu mới, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng bài bản, chuyên nghiệp, minh bạch để thu hút nguồn nhân lực từ bên ngoài vào tham gia tạo nguồn cho đơn vị.
- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh, liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt để cùng nhau phát triển.

3.2.5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Tận dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có tại Công ty, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về kỹ thuật, tài chính, quản lý nhân sự ... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ.
- Với nhu cầu thực tế là ngành xây dựng ngày càng đòi hỏi phải có trình độ kiến thức tay nghề của các kỹ sư, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật. Công ty đã định hướng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ năng lực cao trong thời gian tới nhằm đạt được hiệu quả cao trong thi công xây dựng công trình.

3.2.6. Giải pháp về công tác quản lý xây dựng công trình:

- Cùng cố công tác quản lý tổ chức thi công theo đúng quy trình, quy định, bảo đảm bài bản, chuyên nghiệp, cụ thể:
- Tăng cường bảo đảm nhân lực, cán bộ kỹ thuật hiện trường đặc biệt là đội ngũ chỉ huy trường công trường, tránh tình trạng quá tải, thiếu kiểm soát ở những đơn vị có sản lượng lớn dẫn tới không đảm bảo tiến độ, chất lượng
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ thi công các công trình, bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng.
- Thực hiện nghiêm các quy trình về cấp ứng vốn, quản lý tiến độ, chất lượng.

3.2.7. Giải pháp về trang thiết bị:

- Đầu tư đổi mới mua sắm trang thiết bị phục vụ các công trình giao thông, dân dụng...
- Áp dụng công nghệ trong quản lý nguyên vật liệu, quản lý nhân công, tiến độ chất lượng công trình, công tác quản trị doanh nghiệp.

3.2.8. Giải pháp về quản trị rủi ro:

- Xây dựng chính sách chung về quản trị rủi ro, tạo ra sự nhận thức đầy đủ cũng như trách nhiệm của lãnh đạo Công ty và các bộ phận chuyên môn về rủi ro.
- Xây dựng, ban hành, cập nhật sửa đổi bổ sung các quy chế quy định quản lý nội bộ, đảm bảo các hoạt động quản trị, điều hành cũng như tham mưu thừa hành nhiệm vụ phải công

khai, minh bạch. Có sự phân công phân nhiệm rõ ràng trong lãnh đạo và các phòng ban trong hoạt động ngăn ngừa, kiểm soát rủi ro.

- Đổi mới và nghiêm túc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ cũng như kiểm tra, kiểm soát đối với các đơn vị phụ thuộc theo quy định.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và vị thế của bộ phận quản lý an toàn tại các dự án, công trường.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

4.1. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ: 49.500.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần: 4.950.000 cổ phần

4.2. Cơ cấu cổ đông:

Theo Quyết định số 595/QĐ-BQP ngày 06/3/2017, cơ cấu cổ đông Công ty cổ phần cụ thể như sau:

TT	Danh mục	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	2.524.500	25.245.000.000	51,00%
2	Cổ phần bán cho CBCNV. Trong đó:	116.200	1.162.000.000	2,35%
	Cổ phần bán ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất	116.200	1.162.000.000	2,35%
3	Cổ phần bán ra bên ngoài	2.309.300	23.093.000.000	46,65%
3.1	Cổ phần dự kiến bán cho cổ đông chiến lược	2.012.300	20.123.000.000	40,65%
3.2	Cổ phần bán đấu giá lần đầu ra công chúng	297.000	2.970.000.000	6,00%
	Tổng Cộng	4.950.000	49.500.000.000	100,00%

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

1.1. Đối với người lao động:

Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (Ngày 17/10/2016)

- Tổng số lao động được mua ưu đãi: 154 người

- Tổng số năm công tác: 1.162 năm
- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua: 116.200 cổ phần
- Chiếm tỷ lệ: 2,35% vốn điều lệ

Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động đăng ký mua thêm do cam kết làm việc lâu dài:
Không có

1.2. Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai:

- Cổ phần chào bán: 297.000 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 6,00% Vốn điều lệ.
- Phương thức chào bán: Bán đấu giá qua Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).

1.3. Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

- Cổ phần chào bán: 2.012.300 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 40,65% Vốn điều lệ.
- Phương thức bán cổ phần: Sau khi thực hiện bán đấu giá công khai cổ phần lần đầu
- Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.
- Nhà đầu tư chiến lược: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Dương.
- Nhà đầu tư khác đủ điều kiện là nhà đầu tư chiến lược của công ty nếu có.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: Phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định cụ thể trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) ban hành;
- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên, cổ đông chiến lược: Do Ban Chỉ đạo cổ phần hoá quy định;

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện căn cứ theo quy định tại mục III thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần và thông tư 115/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

IX. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật về cổ phần hóa, Công ty cam kết sẽ thực hiện và hoàn tất các thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký lưu ký cổ

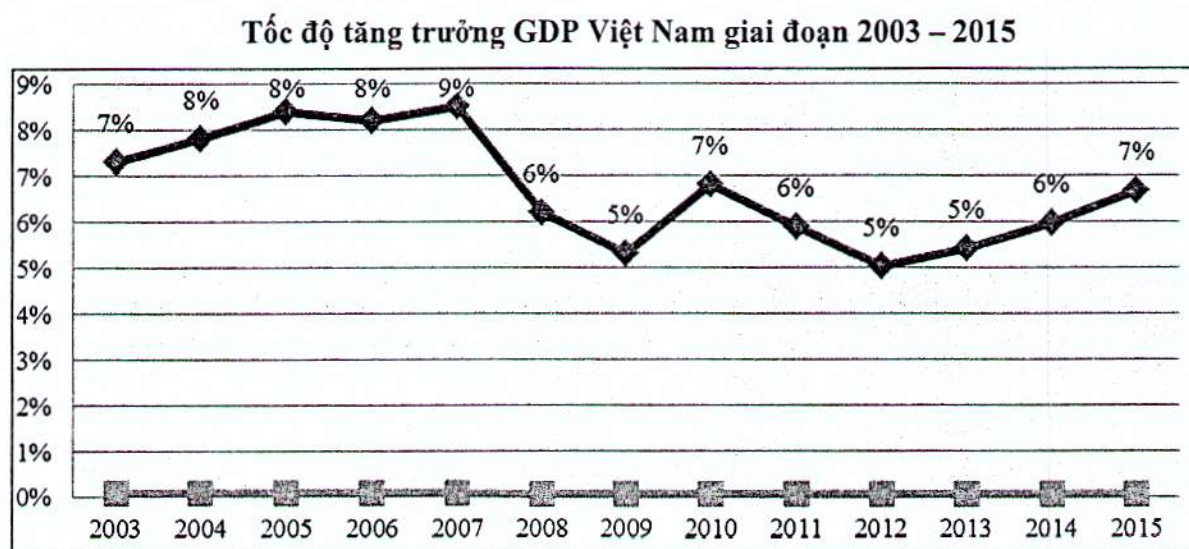
phiếu tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán. Công ty cũng thực hiện đăng ký giao dịch/nhiệm ý chứng khoán theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

X. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về nền kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tăng trưởng 2014 vẫn ở mức dưới 6% thì tăng trưởng năm 2015 đã ở mức 6,68%, cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây, đưa quy mô nền kinh tế lên 204 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 2.109 USD/người (theo giá hiện hành) và 1.140 USD/người (theo giá so sánh 2005).

Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn đang thiếu một số động lực cơ bản để đạt được tăng trưởng bền vững, ví dụ như chất lượng tăng trưởng còn thấp, khu vực FDI mặc dù đang là động lực tăng trưởng ngắn hạn nhưng đóng góp vào tăng trưởng dài hạn còn rất hạn chế, trong khi khu vực kinh tế trong nước, đặc biệt là khu vực tư nhân chưa có nhiều cơ hội để phát triển. Tính trung bình cho 5 năm (2011-2015), tốc độ tăng trưởng GDP trong nước là 5,8% thấp hơn nhiều so với con số 6,99% trung bình giai đoạn 5 năm từ 2006-2010, và kém xa giai đoạn trước khủng hoảng từ 2000-2006 là 7,51%.

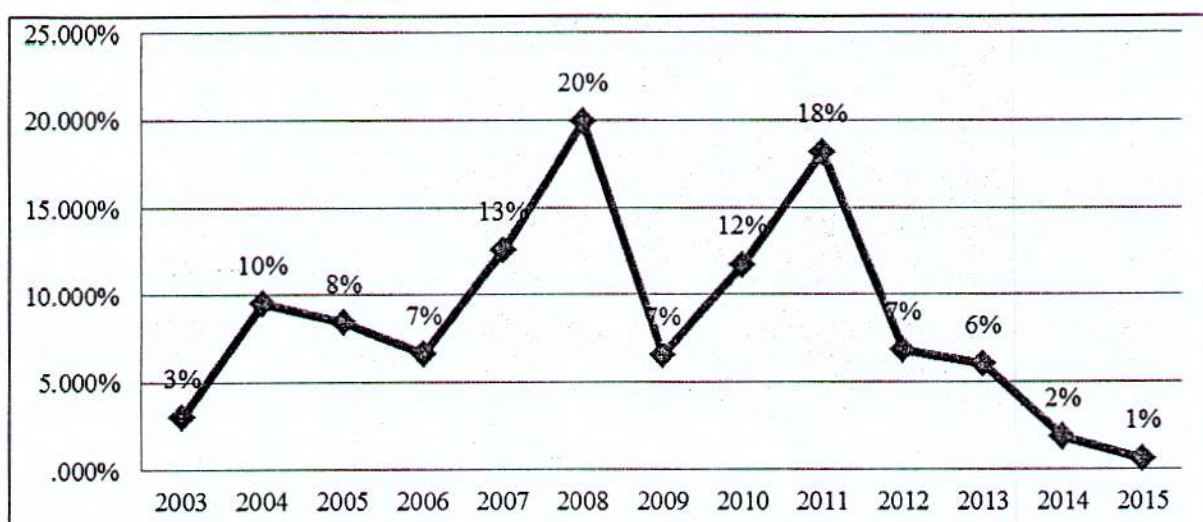
Do vậy, triển vọng kinh tế năm 2016 và các năm tới sẽ tốt hơn chỉ khi Nhà nước thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam và việc tái cơ cấu nền kinh tế phải được tiếp tục thực hiện một cách cấp bách và quyết liệt. Bên cạnh việc đổi mới tư duy về vai trò của khu vực nhà nước, cũng cần đổi mới tư duy về khu vực tư nhân. Khu vực kinh tế tư nhân

không chỉ được coi là “một trong những động lực phát triển của nền kinh tế” mà cần khẳng định là “động lực cơ bản” nhằm tạo ra được những bứt phá trong phát triển kinh tế phù hợp với xu thế của nền kinh tế thị trường hiện đại trong bối cảnh đẩy nhanh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

1.2. Lạm phát:

Lạm phát

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2003 - 2015



Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo các số liệu do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố: mức lạm phát ở Việt Nam trong năm 2015 đã xuống thấp ở mức kỷ lục, tức là 0,63%. Nhưng cơ quan này dự báo là lạm phát của Việt Nam có thể lên đến 5% vào năm 2016, do giá điện cũng như các chi phí giáo dục và y tế sẽ tăng mạnh. Theo Tổng cục Thống kê, mức lạm phát 2015 đã xuống thấp như vậy, chủ yếu là nhờ giá dầu trên thế giới giảm mạnh.

Tỷ lệ lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa thật sự hoàn chỉnh và khả năng thực thi chưa cao. Thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp chồng chéo trong lĩnh vực hành chính trong đó có lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa nông sản, điều này có những ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc thay đổi luật pháp cũng như cải cách thủ tục hành chính sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến tính hiệu quả, thời gian thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung, Chính phủ cũng đang

từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để theo đúng định hướng mở cửa nền kinh tế.

Ý thức được những vấn đề trên, Công ty cũng chú trọng nghiên cứu những quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện đúng và tuân thủ luật pháp. Do đó, rủi ro về luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty được hạn chế ở mức thấp, không ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về thị trường:

Thị trường xây dựng ngày càng cạnh tranh của nhiều đối thủ cùng ngành nghề. Đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng là nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài.

3.2. Rủi ro giá nguyên vật liệu:

Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất nên biến động của giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán và ảnh hưởng đến khả năng tạo lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty đều là các đối tác truyền thống, có năng lực, có uy tín trên thị trường nên Công ty vẫn ổn định được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và giảm thiểu được những rủi ro đầu vào.

3.3. Rủi ro tài chính:

Công ty thường xuyên phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đang từng bước giảm thiểu rủi ro này thông qua các biện pháp nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động, tăng vòng quay tiền tệ, cân đối hoạt động sản xuất.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...) là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã tham gia mua bảo hiểm cho tài sản bao gồm:

- Nhà xưởng vật kiến trúc.
- Máy móc thiết bị sản xuất
- Thiết bị dụng cụ quản lý

5. Các rủi ro khác

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, khoản phát sinh chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (đối với Công ty là ngày 17/10/2016) thì xử lý như sau:

5.1. Nếu do nguyên nhân khách quan:

Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai; dịch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc do biến động của thị trường quốc tế và các nguyên nhân bất khả kháng khác) doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần.

5.2. Nếu do nguyên nhân chủ quan:

Nếu lỗi do việc không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: doanh nghiệp, tổ chức tư vấn định giá và cơ quan quyết định cổ phần hóa để xử lý bồi thường vật chất;

Nếu lỗi do điều hành sản xuất, kinh doanh thì các cán bộ quản lý doanh nghiệp đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành;

Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại mục 5.1 nói trên.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hòa hoãn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

XI. KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty TNHH MTV 319.2, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV 319.2 cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần.

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2017

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN



Thiếu tướng Võ Hồng Thắng

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MTV 319.2

GIÁM ĐỐC



Thượng tá Phan Phú

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Tiến